

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX
nhiệm kỳ 2025 - 2030

Để tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết Đại hội), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội với những nội dung cụ thể như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX; tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân; xác định cụ thể trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng cơ quan, đơn vị; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, khơi dậy tinh thần đổi mới, sáng tạo, khát vọng vươn lên, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết đề ra.

2. Các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX phải được cụ thể hóa thành các chương trình, đề án, cơ chế, chính sách đồng bộ, khả thi; phân công rõ trách nhiệm cho từng cấp, từng ngành, từng cơ quan, đơn vị, gắn với vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; xác định rõ thời gian hoàn thành, nguồn lực thực hiện đối với từng nội dung, công việc; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện.

3. Quá trình tổ chức thực hiện phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm; kịp thời bổ sung, cập nhật các chủ trương, chính sách của Trung ương, các nhiệm vụ mới để đáp ứng yêu cầu thực tiễn; nhanh chóng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

B. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

I. VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

1. **Mục tiêu:** Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, đổi mới mạnh mẽ tư duy quản lý nhà nước, hướng tới hiệu quả, minh bạch, kiến tạo và phục vụ, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Hằng năm kết nạp 8.100 đảng viên mới trở lên; tỉ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm đạt 90% trở lên.

2. Nhiệm vụ, giải pháp:

2.1. Tập trung xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu xây dựng, triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng công tác dự báo, định hướng dư luận xã hội và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, giai đoạn 2026-2030”.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo:

+ Kịp thời quán triệt, thể chế hóa, cụ thể hóa, triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của Tỉnh; hoàn thiện hệ thống cơ chế, quy chế, quy định và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả việc tự phê bình và phê bình, chất vấn trong cấp ủy, tổ chức đảng.

+ Tăng cường nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn phục vụ việc hoạch định và triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Tỉnh và từng địa phương, đơn vị.

+ Thực hiện nghiêm chuẩn mực đạo đức cách mạng, đạo đức công vụ, nêu cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức và ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên.

2.2. Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

- Ban Thường vụ Đảng ủy lãnh đạo UBND tỉnh xây dựng và áp dụng Chỉ số đánh giá hiệu suất công việc (KPI) để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức; hoàn thiện quy định đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và UBND các xã, phường.

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy nghiên cứu thí điểm thực hiện thi tuyển để bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc các cơ quan cấp tỉnh, cấp xã; có các cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng người có tài.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo khẩn trương rà soát, điều động, bố trí, sắp xếp, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng số, cập nhật kiến thức cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, bảo đảm về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy chế, quy định về công tác cán bộ thuộc thẩm quyền.

2.3. củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; nâng cao chất lượng đảng viên

Các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo:

- Rà soát, bổ sung, sửa đổi quy chế làm việc, quy chế phối hợp, xác định rõ mối quan hệ lãnh đạo, quan hệ phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ giữa cấp ủy với chính quyền, giữa cấp ủy với thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tránh tình trạng cấp ủy buông lỏng lãnh đạo, quản lý hoặc bao biện, làm thay chính quyền.

- Đổi mới nội dung sinh hoạt chi bộ; nâng cao vai trò, trách nhiệm của chi bộ trong giáo dục, quản lý, rèn luyện, kiểm tra, giám sát đảng viên.

- Phát triển đảng viên trong đội ngũ trí thức, lực lượng vũ trang, học sinh, sinh viên, công nhân, người lao động, cán bộ quản lý trong doanh nghiệp; khu vực nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc.

2.4. Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ; quản lý chặt chẽ cán bộ, đảng viên

Các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo:

- Tăng cường giáo dục đạo đức công vụ, văn hóa công sở, nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ trong thực thi công vụ; chú trọng giáo dục liêm chính, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- Nghiên cứu có cơ chế, chính sách khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

2.5. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu xây dựng, triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp có bản lĩnh, trí tuệ, liêm chính, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới”.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo:

+ Tiếp tục đổi mới quy trình, phương pháp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp; chủ động trong kiểm tra, giám sát; coi trọng giám sát thường xuyên để chủ động phòng ngừa, cảnh báo vi phạm từ sớm, từ xa.

+ Nâng cao chất lượng phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa ủy ban kiểm tra với thanh tra, cơ quan bảo vệ pháp luật và các cơ quan, đơn vị liên quan.

+ Tiến hành rà soát, kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ ủy ban kiểm tra các cấp, đảm bảo đủ số lượng, nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

2.6. Đổi mới công tác dân vận; thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân; phát huy vai trò của Nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu xây dựng, triển khai thực hiện Đề án “Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác dân vận; phát huy dân chủ, tăng cường đối thoại, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và chính quyền, giai đoạn 2026-2030”.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo:

+ Tiếp tục đổi mới công tác dân vận theo hướng thiết thực, cụ thể, sáng tạo, hướng đến mục tiêu đồng thuận và tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, quản lý, điều hành của chính quyền.

+ Xây dựng, nhân rộng mô hình “Chính quyền thân thiện vì Nhân dân phục vụ” ở các cấp.

+ Thường xuyên tổ chức đối thoại, tiếp xúc giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân để lắng nghe, kịp thời giải quyết nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của Nhân dân.

+ Kiện toàn tổ chức dân vận các cấp; xây dựng đội ngũ cán bộ dân vận nắm chắc địa bàn, am hiểu thực tế.

2.7. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nội chính; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

- Ban Nội chính Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tăng cường các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, chống lãng phí, tiêu cực.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo duy trì thực hiện tốt công tác tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân của người đứng đầu cấp ủy; chỉ đạo giải quyết kịp thời các vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài không để phát sinh “điểm nóng”, phức tạp về an ninh trật tự.

2.8. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng

Các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo:

- Đổi mới, nâng cao chất lượng ban hành văn bản của cấp ủy theo hướng bám sát thực tiễn, dễ hiểu, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, dễ giám sát, có trọng tâm, trọng điểm.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền hợp lý, rõ ràng giữa cấp trên và cấp dưới, gắn quyền hạn với trách nhiệm.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy chế làm việc của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp; quy định chặt chẽ nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác giữa các cấp ủy, tổ chức đảng.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng và hệ thống chính trị; xây dựng, áp dụng các tiêu chí, chỉ số đánh giá hiệu quả, chất lượng tổ chức, hoạt động của các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp.

2.9. Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội

- Đảng ủy Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng công tác giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội giai đoạn 2026-2030”.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo:

+ Đổi mới mạnh mẽ tư duy quản lý nhà nước, hướng tới hiệu quả, minh bạch, kiến tạo và phục vụ, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy mạnh mẽ việc xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số.

+ Tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ các cơ quan nhà nước của tỉnh theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; thực hiện rà

soát, điều động, bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức giữa các xã, phường, tăng cường cán bộ các cơ quan cấp tỉnh cho cấp xã, đảm bảo hợp lý, hiệu quả.

+ Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ theo mô hình tổ chức mới, hướng mạnh về cơ sở.

+ Củng cố, xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng vững mạnh, đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu trong hệ thống Mặt trận tổ quốc các cấp có phẩm chất, năng lực, uy tín, tâm huyết, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong Kỷ nguyên mới.

+ Chú trọng đổi mới công tác tuyên truyền, vận động theo hướng thiết thực, hiệu quả, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội để tuyên truyền đến đoàn viên, hội viên và Nhân dân phù hợp với từng đối tượng.

II. VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kết luận số 123-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; phát huy mạnh mẽ vai trò các động lực tăng trưởng truyền thống và các động lực tăng trưởng mới, đảm bảo hoàn thành mục tiêu tăng trưởng 02 con số, tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng tăng trưởng

1.1. Mục tiêu: Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt 11% trở lên; trong đó: Nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng khoảng 3% trở lên; công nghiệp - xây dựng tăng khoảng 14% trở lên; dịch vụ tăng khoảng 9% trở lên; thuế sản phẩm tăng khoảng 6% trở lên. GRDP bình quân đầu người năm 2030 đạt 7.900 USD trở lên. Thu nhập bình quân đầu người năm 2030 đạt 90 triệu đồng trở lên. Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn 05 năm giai đoạn 2026 - 2030 đạt 840 nghìn tỉ đồng trở lên. Hệ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt 5,2 lần. Tốc độ tăng thu ngân sách bình quân hằng năm đạt 7% trở lên. Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân hằng năm đạt 8,1% trở lên. Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế năm 2030 đạt 55% trở lên.

1.2. Nhiệm vụ, giải pháp:

Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo:

- Lãnh đạo, chỉ đạo khẩn trương việc rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành, lĩnh vực, hoàn thành chậm nhất trong Quý II/2026. Rà soát, bổ sung, điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, Quy hoạch chung Khu kinh tế Nghi Sơn, quy hoạch chung cấp xã và các quy hoạch thuộc thẩm quyền của tỉnh trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các quy hoạch còn hiệu lực, còn giá trị; bổ sung những yếu tố mới mang tính đột phá, sáng tạo, phù hợp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh và từng địa phương trong giai đoạn mới; đảm bảo gắn kết chặt chẽ giữa phát triển đô thị, nông thôn với phát triển kinh tế - xã hội, khai thác và phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế so sánh của từng địa phương, đảm bảo hoàn thành trong năm 2026.

- Rà soát, sửa đổi, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách của tỉnh theo hướng chuyển từ tư duy quản lý sang kiến tạo, phục vụ, đảm bảo đồng bộ, thống nhất, khả thi, dễ thực hiện, có tính đột phá vừa đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích đổi mới, sáng tạo, tháo gỡ điểm nghẽn, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực cho phát triển nhanh và bền vững. Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa quy trình, thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường cung cấp các dịch vụ công trực tuyến; nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

- Tập trung rà soát, triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nhằm tháo gỡ, xử lý, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc đối với các dự án có khó khăn, vướng mắc, tồn đọng kéo dài trên địa bàn tỉnh theo tinh thần Kết luận số 77-KL/TW ngày 02/5/2024 của Bộ Chính trị; trong đó, phải xác định rõ nội dung công việc cần thực hiện, lộ trình, thời gian hoàn thành; phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cấp, từng ngành, người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, không để phát sinh thêm dự án tồn đọng, kéo dài; phấn đấu hoàn thành việc giải quyết dứt điểm các dự án có khó khăn, vướng mắc, tồn đọng kéo dài trên địa bàn tỉnh theo tinh thần Kết luận số 77-KL/TW ngày 02/5/2024 của Bộ Chính trị trong năm 2026.

- Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm đảm bảo bố trí vốn tập trung, không phân tán dàn trải, không để thất thoát, lãng phí vốn; trong đó, rà soát, đánh giá các dự án đầu tư công dở dang để tiếp tục đầu tư hoàn thành đối với các dự án thực sự cần thiết, tránh lãng phí; ưu tiên bố trí vốn đối ứng cho các dự án ODA, vốn xây dựng các khu tái định cư, các dự án chuyển tiếp để rút ngắn thời gian đầu tư, sớm hoàn thành đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả. Tổ chức lựa chọn, ưu tiên bố trí vốn đầu tư thực hiện một số công trình, dự án quan trọng, thực sự hiệu quả, có tính đột phá, có tác động lan tỏa lớn, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của cả vùng và cả tỉnh.

- Xây dựng, triển khai Kế hoạch về Đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng kiến tạo, phục vụ, lấy người dân và doanh nghiệp là trung tâm phục vụ; tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, lành mạnh, minh bạch, bình đẳng để thu hút đầu tư, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Tạo điều kiện thuận lợi, bình đẳng cho các thành phần kinh tế tư nhân tiếp cận cơ hội kinh doanh và các nguồn lực của nền kinh tế, nhất là vốn, đất đai, nhân lực, công nghệ; khuyến khích, thúc đẩy hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh trong nước, khu vực và quốc tế.

- Đổi mới mạnh mẽ hoạt động xúc tiến đầu tư; xây dựng danh mục và kế hoạch thu hút các dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2026 - 2030, trong đó tập trung thu hút các nhà đầu tư, tập đoàn kinh tế chiến lược đến đầu tư tại tỉnh; có giải pháp hỗ trợ kết nối, liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp của tỉnh với doanh nghiệp nước ngoài để thúc đẩy chuyển giao công nghệ, kỹ năng quản lý, đào tạo nhân lực và tham gia chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu.

2. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, trên cơ sở ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

2.1. Mục tiêu: Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP đến năm 2030: Nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 5%; công nghiệp - xây dựng chiếm 57%; dịch vụ chiếm 33%; thuế sản phẩm chiếm 5%. Tổng sản lượng lương thực bình quân hằng năm ổn định ở mức 1,5 triệu tấn. Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2030 tăng thêm 50.000 ha trở lên; trong đó, diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao đạt 10.000 ha trở lên. Tỷ trọng giá trị tăng thêm của công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP năm 2030 đạt 36% trở lên. Trị giá hàng hóa xuất khẩu năm 2030 đạt 15 tỉ USD trở lên.

2.2. Nhiệm vụ, giải pháp:

2.2.1 Chuyển mạnh từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; đẩy mạnh phát triển nông nghiệp số, nông nghiệp sạch, nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn theo chuỗi giá trị

Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo:

- Tiếp tục phát triển các vùng sản xuất tập trung, vùng chuyên canh hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao; triển khai nhân rộng, mở rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, tập trung vào các sản phẩm chủ lực Tỉnh có lợi thế, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Nghiên cứu xây dựng Chính sách phát triển nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030. Khẩn trương xây dựng, phân đầu hoàn thành hệ thống bản đồ nông hóa, thổ nhưỡng toàn tỉnh trong năm Quý IV/2026.

- Đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp và khuyến khích phát triển các loại hình kinh tế hợp tác để tăng cường liên doanh, liên kết, khắc phục tình trạng nhỏ lẻ, manh mún trong sản xuất nông nghiệp. Xây dựng, triển khai “Đề án phát triển, củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030”. Đổi mới tư duy, hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh các sản phẩm OCOP theo hướng thực chất, hiệu quả, có chất lượng ổn định, khối lượng hàng hóa lớn, có uy tín, thương hiệu mạnh để vươn tới các thị trường lớn trong nước và quốc tế. Nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách để khuyến khích nhà đầu tư tham gia xây dựng vùng nguyên liệu tre, luồng ở khu vực miền núi; xây dựng, nâng cao giá trị thương hiệu sản phẩm “tre, luồng xứ Thanh” và “quế Thanh”.

- Xây dựng, triển khai “Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các xã miền núi của tỉnh, giai đoạn 2026 - 2030”.

2.2.2. Phát triển mạnh công nghiệp - xây dựng theo hướng hiện đại; ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp chiến lược, công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp mới nổi mà Tỉnh có lợi thế

Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo:

- Tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở công nghiệp hiện có phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ, thực hiện chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, nâng cao trình độ quản trị để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của sản phẩm; tiến hành rà soát, giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, nhất là các dự án trọng điểm, quy mô lớn. Hỗ trợ, tạo điều kiện để Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao hiệu quả hoạt động; xúc tiến nhanh việc triển khai giai đoạn 2 Dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn.

- Ưu tiên phát triển mạnh công nghiệp chế biến, chế tạo, nhất là các ngành công nghiệp mới nổi, các ngành công nghiệp có hàm lượng phát thải các-bon thấp, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, công nghệ cao như: chip bán dẫn, robot, trí tuệ nhân tạo; vật liệu mới, vật liệu phục vụ công nghiệp cơ khí chế tạo; công nghiệp sinh học. Phát triển hợp lý các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động (dệt may, da giày...); từ năm 2026, hạn chế, tiến tới dừng thu hút đầu tư mới các dự án may mặc, da giày tại khu vực đồng bằng và ven biển; khuyến khích thu hút đầu tư các dự án sử dụng nhiều lao động vào khu vực trung du và miền núi. Rà soát bổ sung, sửa đổi chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển ngành xây dựng đạt trình độ cao trong các lĩnh vực thiết kế, xây dựng công trình, vật liệu xây dựng, phát triển đô thị và nhà ở theo hướng đô thị xanh, thông minh. Đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội; xây dựng các cơ chế, chính sách để hỗ trợ xây dựng nhà ở cho đối tượng có thu nhập thấp, công nhân, lao động, tạo điều kiện để người có thu nhập thấp có nhà ở an toàn, ổn định.

2.2.3. Phát triển nhanh các sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn

Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo:

- Tập trung phát triển 03 loại hình du lịch chính, gồm: Du lịch biển, du lịch sinh thái cộng đồng và du lịch tìm hiểu văn hóa, lịch sử; đồng thời, phát triển thêm các sản phẩm du lịch bổ trợ, các sản phẩm dịch vụ du lịch kết hợp để khắc phục tính mùa vụ của du lịch hiện nay. Tập trung đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án du lịch quy mô lớn đang triển khai như: Quần thể khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái kết hợp các dịch vụ vui chơi, giải trí cao cấp Bến En; Khu đô thị nghỉ dưỡng khoáng nóng tại xã Quảng Yên; Khu phức hợp khách sạn, trung tâm thương mại tại xã Quảng Nham; Khu du lịch Hoàng Phụ, huyện Hoàng Hóa; Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, dưỡng lão, giải trí tại Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên; Công viên chuyên đề tại Sầm Sơn, Khu di tích lịch sử, danh thắng Am Tiên, Khu du lịch sinh thái Tân Dân... Xây dựng, thực hiện Đề án phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030.

- Phát triển dịch vụ logistics gắn với vận tải đa phương thức; rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, tạo thuận lợi để thu hút đầu tư xây dựng trung tâm logistics cấp vùng hạng I và các tổng kho dự trữ dầu thô, kho khí LNG tại Khu kinh tế Nghi Sơn; kêu gọi, thu hút đầu tư trung tâm logistics cấp tỉnh theo quy hoạch và trung tâm logistics tại khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng. Tiếp tục mở mới các đường bay đi - đến Cảng hàng không Thọ Xuân, trong đó có đường bay quốc tế.

- Tập trung phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị, kho bảo quản, chợ đầu mối tại các khu vực đô thị lớn, trung tâm vùng, miền, Khu kinh tế Nghi Sơn; phát triển mạnh loại hình siêu thị kết hợp chợ truyền thống và cửa hàng bán lẻ tại khu vực các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm xã.

3. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, tạo cơ sở thúc đẩy kết nối các vùng, miền, các trung tâm kinh tế động lực

3.1. Mục tiêu: Tập trung huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực trong xã hội nhằm xây dựng, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là hạ tầng giao thông, hạ tầng khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hạ tầng khu vực miền núi, hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hạ tầng du lịch.

3.2. Nhiệm vụ, giải pháp:

Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo:

- Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực để xây dựng, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với quy hoạch tỉnh, các quy hoạch ngành, lĩnh vực và định hướng phát triển vùng Bắc Trung Bộ.

- Xây dựng hệ thống giao thông vận tải đồng bộ, hiện đại, liên thông, kết nối thuận lợi trong và ngoài tỉnh. Sớm đầu tư hoàn thành tuyến đường bộ ven biển đoạn qua Thanh Hóa, các tuyến đường kết nối các tuyến giao thông trục chính của tỉnh với các nút giao cao tốc Bắc - Nam phía Đông... Nghiên cứu quy hoạch, xây dựng dự án đầu tư các tuyến giao thông kết nối để kịp thời phát huy hiệu quả đường sắt tốc độ cao qua địa bàn tỉnh.

Nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Thọ Xuân, phấn đấu đến năm 2030 trở thành cảng hàng không quốc tế. Rà soát, lập quy hoạch Đảo Mê theo hướng kết hợp quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội, trong đó nghiên cứu, đề xuất quy hoạch cảng tổng hợp tại khu vực Đảo Mê; xây dựng, triển khai “Đề án Phát triển Khu Kinh tế Nghi Sơn” gắn kết với Đảo Mê.

- Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh các công trình hạ tầng thiết yếu, hạ tầng khu công nghiệp trong Khu kinh tế Nghi Sơn. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm hoàn thành các dự án đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang triển khai; tăng cường xúc tiến, thu hút các nhà đầu tư có năng lực, uy tín, kinh nghiệm để đầu tư và kinh doanh hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp mới theo quy hoạch. Phấn đấu đến năm 2030 lấp đầy các khu công nghiệp đang thực hiện đầu tư; có ít nhất 30 cụm công nghiệp đi vào hoạt động và đạt tỉ lệ lấp đầy 70% diện tích trở lên.

- Bố trí nguồn lực đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các công trình đầu mối, trọng điểm về thủy lợi, đê điều, đảm bảo an toàn hồ, đập; hạ tầng khoa học - công nghệ, hạ tầng số, hạ tầng điện, hạ tầng giáo dục, y tế, các thiết chế văn hóa, thể thao...

4. Đẩy mạnh phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới; phát triển bền vững, hài hòa giữa các vùng, miền

4.1. Mục tiêu: Tỉ lệ đô thị hóa năm 2030 đạt 50% trở lên. Số căn hộ nhà ở xã

hội được xây dựng mới trong 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 đạt 7.500 căn hộ trở lên. Đến năm 2030 toàn tỉnh có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó: có 35% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại; không còn xã dưới 15 tiêu chí nông thôn mới.

4.2. Nhiệm vụ, giải pháp:

Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo:

- Phát triển đô thị theo hướng xanh, thông minh, hiện đại, bền vững, giàu bản sắc xứ Thanh; kết hợp hài hòa giữa cải tạo, chỉnh trang, tái thiết các khu đô thị cũ với phát triển các đô thị mới; nghiên cứu quy hoạch và lộ trình xây dựng Khu hành chính tập trung của tỉnh theo hướng thông minh, hiện đại. Rà soát, điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thanh Hóa giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; phấn đấu đến năm 2030, tỉ lệ đô thị hóa đạt 50% trở lên.

- Tiến hành rà soát, đánh giá lại mức độ đạt chuẩn nông thôn mới đối với các xã mới thành lập; thực hiện lồng ghép các nguồn vốn, huy động các nguồn lực để xây dựng nông thôn mới hiện đại gắn với đô thị hóa và thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế nông thôn xanh, tuần hoàn, sinh thái gắn với tái cơ cấu nông nghiệp, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, phát huy vai trò chủ thể của người dân, cộng đồng và các thành phần kinh tế; bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội. Ưu tiên tập trung chỉ đạo, phân bổ nguồn lực cho các xã khu vực miền núi, vùng khó khăn, để từng bước hoàn thành tiêu chí nông thôn mới, góp phần thu hẹp khoảng cách giữa vùng miền núi và đồng bằng và đảm bảo an sinh xã hội. Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động hiến đất để đầu tư cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang kết cấu hạ tầng, trọng tâm là đường giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại và các phong trào thi đua, các mô hình hay, hiệu quả trong xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm 3 vùng kinh tế - xã hội, đảm bảo phát huy cao nhất vai trò, tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng bước rút ngắn khoảng cách phát triển giữa khu vực miền núi với vùng đồng bằng, ven biển. Đối với vùng miền núi, tập trung phát triển nông, lâm nghiệp bền vững, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn với giữ dân, giữ đất, giữ rừng, bảo đảm an ninh môi trường sinh thái, an ninh nguồn nước, quốc phòng an ninh. Đối với vùng đồng bằng và trung du, tập trung phát triển công nghiệp, nông nghiệp sạch, công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, du lịch văn hóa, dịch vụ chất lượng cao. Đối với vùng ven biển và hải đảo, tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, trọng tâm là khai thác, nuôi trồng thủy sản trên biển; du lịch biển, đảo; vận tải biển; dịch vụ cảng biển; các ngành công nghiệp gắn với biển như: lọc hoá dầu, luyện kim, cơ khí chế tạo, năng lượng tái tạo, chế biến thủy sản, công nghiệp phụ trợ.

III. VỀ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ, VĂN HÓA - XÃ HỘI, QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Phát triển mạnh, vững chắc khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1.1. Mục tiêu: Phát triển mạnh, vững chắc khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trở thành động lực quan trọng, đột phá thúc đẩy kinh tế - xã

hội phát triển nhanh và bền vững. Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP năm 2030 đạt 30%. Phần đầu đến năm 2030, Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) và Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) hàng năm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước.

1.2. Nhiệm vụ, giải pháp:

Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo:

- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng, nhân rộng các mô hình kinh tế mới; xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả trên các lĩnh vực; nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Triển khai quyết liệt, hiệu quả các chương trình, kế hoạch thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch, Đề án của Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số như: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Quyết định số 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư; Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số...

- Ưu tiên bố trí nguồn lực cho đầu tư phát triển hạ tầng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là hạ tầng số, công nghệ số, cơ sở dữ liệu lớn; chú trọng đào tạo, thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực khoa học - công nghệ chất lượng cao. Nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền xây dựng, triển khai thực hiện khu công nghệ cao và thành lập Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo tỉnh Thanh Hóa.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ công lập; xây dựng, triển khai đề án rà soát, sắp xếp các trường đại học công lập do tỉnh quản lý (theo hướng sáp nhập Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa vào Trường Đại học Hồng Đức); xây dựng, phát triển Trung tâm nghiên cứu, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tại Trường Đại học Hồng Đức, trung tâm đào tạo và nghiên cứu tại Viện Nông nghiệp Thanh Hóa, làm nòng cốt trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của khu vực.

2. Phát triển mạnh giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao; đảm bảo an sinh xã hội

2.1. Mục tiêu: Phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa; giữ vững thành tích giáo dục mũi nhọn, thể thao thành tích cao trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước; đưa Thanh Hóa trở thành một trong những trung tâm về dịch vụ y tế kỹ thuật cao của khu vực Bắc trung bộ. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2030 đạt 88,5% trở lên. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt 80% trở lên; trong đó, có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35% trở lên. Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đến năm 2030 dưới 20%. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2030 đạt 95% trở lên. Số bác sỹ/1 vạn dân đến năm 2030 đạt 15 bác sỹ/10.000 dân. Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chí an toàn thực phẩm nâng cao năm 2030 đạt 59,5% trở lên. Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới giai đoạn 2026 - 2030 giảm bình quân hằng năm từ 1% trở lên.

2.2. *Nhiệm vụ, giải pháp:*

2.2.1. *Phát triển mạnh mẽ, toàn diện các lĩnh vực văn hóa, thể thao*

Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo:

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng, phát triển văn hóa và con người Thanh Hóa trong thời kỳ mới. Xây dựng lộ trình, từng bước đầu tư hoàn thiện và duy trì hoạt động có hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao; các công trình văn hóa, thể thao trọng điểm. Tăng cường nguồn lực cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể.

- Xây dựng, thực hiện có hiệu quả Kế hoạch triển khai Chương trình nâng cao chất lượng văn hóa giai đoạn 2025 - 2030 tỉnh Thanh Hóa. Từng bước hình thành và phát triển ngành công nghiệp văn hóa theo hướng hiệu quả, bền vững. Nghiên cứu ban hành chính sách phát triển một số ngành công nghiệp văn hóa có tiềm năng như nghệ thuật biểu diễn, triển lãm văn hóa, sản phẩm thủ công mỹ nghệ và mỹ thuật, sản phẩm nghệ thuật, giải trí, du lịch văn hóa...

- Đẩy mạnh phong trào rèn luyện thể dục, thể thao quần chúng; tập trung phát triển lực lượng vận động viên ở các môn thể thao trong chương trình Đại hội thể thao toàn quốc, Đại hội thể thao Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Châu Á, Đại hội thể thao thế giới Olympic.

2.2.2. *Phát triển giáo dục, đào tạo theo hướng hiện đại, nâng cao tính ứng dụng, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững, phát triển con người toàn diện*

Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo:

- Triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả việc miễn học phí cho học sinh các trường công lập; thực hiện dạy học 2 buổi/ngày ở cấp học phổ thông. Tập trung đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục theo hướng chuyển từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực, thể lực, phẩm chất, phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học; chú trọng giáo dục tư tưởng, truyền thống, đạo đức, giáo dục hướng nghiệp, kỹ năng mềm; tăng thời lượng các môn khoa học, công nghệ, tin học, nghệ thuật cho học sinh.

- Tiến hành rà soát, sắp xếp lại mạng lưới trường học phù hợp với sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp xã; xây dựng, thực hiện Đề án sắp xếp các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên theo hướng giáo dục mở; hình thành và phát triển hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập; triển khai xây dựng một số mô hình trường học mới như trường học số, trường học thông minh để rút kinh nghiệm, nhân ra diện rộng. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục; hỗ trợ, tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục tư nhân hoạt động hiệu quả.

- Đổi mới mạnh mẽ quản lý giáo dục và quản trị cơ sở giáo dục trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục gắn với kiểm tra, giám sát hiệu quả.

- Nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp; mở rộng quy mô, đa dạng hóa các ngành nghề, hình thức đào tạo, gắn với các chương trình, đề án, dự án đầu tư lớn triển khai trên địa bàn và xuất khẩu lao động. Sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện có bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, đạt chuẩn; khuyến khích xây dựng các cơ sở đào tạo, dạy nghề đạt chuẩn quốc tế tại Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu vực phát triển của tỉnh.

2.2.3. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân

Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo:

- Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; thực hiện Chiến lược quốc gia về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả Đề án phát triển ngành Y tế giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035; thúc đẩy liên kết giữa bệnh viện, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp nhằm phát triển y học công nghệ cao, chuyên sâu, phấn đấu xây dựng Thanh Hóa trở thành một trong những trung tâm dịch vụ y tế kỹ thuật cao của khu vực Bắc Trung Bộ.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính trong các bệnh viện công lập. Đẩy mạnh xã hội hoá dịch vụ y tế, khuyến khích, tạo điều kiện cho hoạt động đầu tư của tư nhân, hợp tác công tư trong lĩnh vực y tế; ưu tiên thu hút đầu tư các dự án bệnh viện tư nhân hiện đại, quy mô lớn.

- Đổi mới toàn diện phong cách, tinh thần, thái độ phục vụ Nhân dân, người bệnh gắn liền với nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ y tế. Vận dụng linh hoạt, sáng tạo cơ chế, chính sách để thu hút nguồn nhân lực y tế trình độ cao vào làm việc trên địa bàn tỉnh.

2.2.4. Đẩy mạnh công tác giải quyết việc làm, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân

Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo:

- Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Xây dựng, triển khai Đề án Phát triển giáo dục nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030.

- Quan tâm thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội; chế độ, chính sách đối với người có công; hỗ trợ những người yếu thế khắc phục khó khăn ổn định cuộc sống, vươn lên hòa nhập cộng đồng.

- Nâng cao trách nhiệm của chính quyền các cấp trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới; thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo.

3. Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu

3.1. Mục tiêu: Tỷ lệ che phủ rừng năm 2030 đạt 54,5% trở lên. Tỷ lệ dân số nông

thôn được dùng nước hợp vệ sinh năm 2030 đạt 99,5%; trong đó, tỉ lệ dân số nông thôn được dùng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế đạt 75%. Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đến năm 2030 đạt 95%.

3.2. Nhiệm vụ, giải pháp:

Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo:

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai; rà soát, kiên quyết thu hồi các dự án có sử dụng đất chậm tiến độ, vi phạm các quy định của pháp luật. Xây dựng, triển khai Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên phạm vi toàn tỉnh trong năm 2026-2027. Tập trung giải quyết các dự án tồn đọng, vướng mắc, có nguy cơ gây lãng phí, không phát huy hiệu quả, nhất là các dự án hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Tăng cường quản lý khai thác hiệu quả và bền vững nguồn tài nguyên khoáng sản; quản lý nghiêm và triển khai linh hoạt Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21/9/2025 về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn trong triển khai Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024.

- Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường, nhất là tại các khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao, kiên quyết dừng hoạt động đối với các cơ sở sản xuất, chăn nuôi không đáp ứng yêu cầu về môi trường theo quy định. Tập trung thực hiện có hiệu quả Đề án di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh.

- Huy động các nguồn lực đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư tập trung, các khu, điểm du lịch trọng điểm. Triển khai thực hiện quyết liệt các quy định của pháp luật về phân loại chất thải rắn tại nguồn. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt trọng điểm, đảm bảo trong năm 2026 đưa vào hoạt động nhà máy xử lý rác thải tại xã Đông Nam (nay là xã Đông Quang); năm 2027 đưa vào hoạt động Nhà máy xử lý rác thải tại xã Quảng Minh (nay là phường Nam Sầm Sơn) và khởi công xây dựng Khu xử lý chất thải rắn tại xã Xuân Phú (nay là xã Sao Vàng).

- Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, Chương trình nghị sự năm 2030 vì sự phát triển bền vững. Tập trung đầu tư, nâng cấp, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu để phục vụ công tác quản lý nhà nước, dự báo, cảnh báo về khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu; chủ động triển khai các phương án, biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

IV. VỀ QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI

1. Bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội

1.1. Mục tiêu: Củng cố, kiện toàn, xây dựng lực lượng vũ trang đảm bảo về số lượng và chất lượng, phù hợp với mô hình tổ chức mới; tăng cường đảm bảo quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội. Tỉ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn an toàn về an

ninh trật tự hằng năm đạt 80% trở lên; phần đầu đến năm 2030, có ít nhất 50% xã, phường không ma túy. 100% số xã, phường có lực lượng dân quân thường trực; xây dựng mới 3 - 4 đường hầm trong khu vực phòng thủ tỉnh; xây dựng mới 5 trụ sở làm việc của 05 Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực.

1.2. Nhiệm vụ, giải pháp:

Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo:

- Tập trung xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, có sức chiến đấu cao. Nâng cao sức mạnh tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của quân đội; bảo vệ vững chắc vùng trời, vùng biển, biên giới và các hoạt động kinh tế biển; sẵn sàng tham gia ứng phó hiệu quả với các tình huống an ninh phi truyền thống xảy ra trên địa bàn. Tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình chiến đấu trong khu vực phòng thủ tỉnh, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; tăng cường trang thiết bị, phương tiện phục vụ nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, phòng chống thiên tai, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn.

- Chủ động đấu tranh, trấn áp, điều tra, truy tố, xét xử các loại tội phạm; kiểm chế, đẩy lùi các loại tội phạm và tệ nạn xã hội. Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả Đề án xã, phường không có ma túy; phần đầu đến năm 2030, có ít nhất 50% xã, phường không ma túy. Tiến hành rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, xây dựng Công an xã chính quy, thực sự là lực lượng nòng cốt, gần dân, sát dân, giải quyết kịp thời các vấn đề an ninh trật tự ngay từ cơ sở.

2. Đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại, ngoại giao kinh tế, hội nhập quốc tế; nâng cao hiệu quả hợp tác với các tỉnh, thành phố trong khu vực và cả nước

2.1. Mục tiêu: Tiếp tục duy trì, làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác với các tỉnh, thành phố nước ngoài, các nhà đầu tư, tổ chức quốc tế nhằm huy động tối đa nguồn lực từ bên ngoài phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đến năm 2030, ký kết thỏa thuận hợp tác với 6 - 8 địa phương nước ngoài.

2.2. Nhiệm vụ, giải pháp:

Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo:

- Tổ chức triển khai thực hiện sáng tạo, hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Tiếp tục duy trì, làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác với các tỉnh, thành phố nước ngoài, các nhà đầu tư, đối tác, tổ chức quốc tế. Thực hiện tốt các thỏa thuận hợp tác đã ký với các tỉnh, thành phố nước ngoài.

- Tiếp tục thiết lập quan hệ hợp tác với các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ và các địa phương trong cả nước trên cơ sở nguyên tắc tự nguyện, thiết thực, hiệu quả, cùng có lợi. Tăng cường phối hợp, hợp tác với các địa phương trong thực hiện liên kết vùng, nhất là trong xây dựng quy hoạch; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; xúc tiến đầu tư, thương mại; sản xuất hàng nông sản; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng các chương trình, tuyến du lịch liên tỉnh, liên vùng.

V. CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ

1. Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là hạ tầng giao thông; hạ tầng khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; hạ tầng khu vực miền núi; hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu; hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; hạ tầng du lịch:

Giao Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng Chương trình hành động của Tỉnh ủy để triển khai thực hiện. Đồng thời, tập trung xây dựng và ban hành Kế hoạch của UBND tỉnh để triển khai thực hiện; trong đó, xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể cho từng lĩnh vực, từng giai đoạn; phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương; lộ trình triển khai và nguồn lực thực hiện, bảo đảm tính khả thi, đồng bộ, hiệu quả.

2. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên cơ sở 5 trụ cột là: cơ chế chính sách, nhân lực, dữ liệu và công nghệ cao; xây dựng, nhân rộng các mô hình kinh tế mới (kinh tế chia sẻ, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn...); xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả trên các lĩnh vực; nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân:

Giao Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng Chương trình hành động của Tỉnh ủy để triển khai thực hiện. Đồng thời, tập trung xây dựng và ban hành Kế hoạch của UBND tỉnh để triển khai thực hiện; trong đó, xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể cho từng lĩnh vực, từng giai đoạn; phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương; lộ trình triển khai và nguồn lực thực hiện, bảo đảm tính khả thi, đồng bộ, hiệu quả.

3. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực, uy tín, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì sự phát triển của tỉnh; đội ngũ doanh nhân có tâm, có tầm, tuân thủ pháp luật, có khát vọng làm giàu chính đáng, có trách nhiệm với xã hội; đội ngũ chuyên gia giỏi đầu ngành, công nhân lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành kinh tế trọng tâm, trọng điểm của tỉnh:

- Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng Chương trình hành động của Tỉnh ủy để triển khai thực hiện; trong đó, xác định rõ mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh thực sự có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển; đặc biệt chú trọng phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có tư duy đổi mới, tầm nhìn chiến lược, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đột phá vì lợi ích chung. Tập trung rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách về công tác cán bộ; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ theo hướng khoa học, dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, gắn với đánh giá cán bộ bằng sản phẩm, kết quả công việc cụ thể.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chương trình hợp tác đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài; có cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung của tập thể và nhân dân.

- Giao Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của tỉnh giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến 2045, trong đó chú trọng phát triển đội ngũ doanh nhân có tâm, có tầm, có khát vọng cống hiến, làm giàu chính đáng, tuân thủ pháp luật, có trách nhiệm với cộng đồng; xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển đội ngũ chuyên gia đầu ngành, lao động kỹ thuật cao trong các lĩnh vực công nghiệp, năng lượng, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành kinh tế trọng tâm, trọng điểm của tỉnh.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị được giao xây dựng các chương trình, đề án, cơ chế, chính sách... phải tập trung triển khai thực hiện, bảo đảm chất lượng tốt nhất, trong đó phải làm rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, nhất là về huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện; phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện; trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bảo đảm đúng thời gian quy định.

2. Căn cứ Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và tình hình thực tế ở địa phương, đơn vị; các cấp ủy đảng xây dựng chương trình hành động của đơn vị và tổ chức triển khai thực hiện để khẩn trương đưa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh vào cuộc sống.

3. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp với chính quyền các cấp phát động phong trào thi đua sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và Nghị quyết đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã đề ra.

4. Giao Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với Đảng ủy UBND tỉnh, các Ban của Tỉnh ủy, các cơ quan liên quan, căn cứ Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, tham mưu xây dựng Chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, chương trình công tác hằng năm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, chuẩn bị các chương trình, đề án, báo cáo..., trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh quyết định; thường xuyên theo dõi và định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy./.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng (b/c),
- UBKT, Văn phòng và các Ban Trung ương Đảng (b/c),
- Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu IV,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các ban, sở, ngành, MTTQ, các đoàn thể cấp tỉnh,
- Đảng ủy các xã, phường, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY

BÍ THƯ



Nguyễn Doãn Anh



PHỤ LỤC SỐ 1

TỈNH ỦY CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XX, NHIỆM KỲ 2025 - 2030
(Kèm theo Chương trình hành động số 07 - CT/TU ngày 22 tháng 11 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX)

13	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội XX	Cấp ủy chủ trì
A	B	C	1	
I	VỀ KINH TẾ			
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân hằng năm giai đoạn 2026 - 2030	%	Tăng 11% trở lên	Đảng ủy UBND tỉnh
	Trong đó:			
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	Tăng 3% trở lên	
-	Công nghiệp - Xây dựng	%	Tăng 14% trở lên	
-	Dịch vụ	%	Tăng 9% trở lên	
-	Thuế sản phẩm	%	Tăng 6% trở lên	
2	Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP đến năm 2030	%	100	Đảng ủy UBND tỉnh
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	5	
-	Công nghiệp - Xây dựng	%	57	
-	Dịch vụ	%	33	
-	Thuế sản phẩm	%	5	
3	Tỉ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP năm 2030	%	30	Đảng ủy UBND tỉnh
4	GRDP bình quân đầu người năm 2030	USD	7.900	Đảng ủy UBND tỉnh
5	Tỉ trọng giá trị tăng thêm công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP năm 2030	%	36% trở lên	Đảng ủy UBND tỉnh
6	Thu nhập bình quân đầu người năm 2030	Triệu đồng	90	Đảng ủy UBND tỉnh
7	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn 05 năm 2026 - 2030	Tỉ đồng	840 nghìn tỉ đồng trở lên	Đảng ủy UBND tỉnh

8	Hệ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) bình quân giai đoạn 2026 - 2030	lần	5,2	Đảng ủy UBND tỉnh
9	Tốc độ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm	%	7	Đảng ủy UBND tỉnh
10	Trị giá hàng hóa xuất khẩu năm 2030	Tỉ USD	15 tỉ USD trở lên	Đảng ủy UBND tỉnh
11	Tổng sản lượng lương thực bình quân hàng năm	Triệu tấn	Ổn định ở mức 1,5 triệu tấn	Đảng ủy UBND tỉnh
12	Số doanh nghiệp thành lập mới 05 năm giai đoạn 2026 - 2030	DN	15.000 DN trở lên	Đảng ủy UBND tỉnh
13	Tỉ lệ đô thị hóa năm 2030	%	50,0 trở lên	Đảng ủy UBND tỉnh
14	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2030	Ha	Tăng thêm 50.000 ha trở lên	Đảng ủy UBND tỉnh
	<i>Trong đó: diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao</i>	Ha	Đạt 10.000 ha trở lên	
15	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân hàng năm	%	8,1% trở lên	Đảng ủy UBND tỉnh
16	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế năm 2030	%	55% trở lên	Đảng ủy UBND tỉnh
17	Số căn hộ nhà ở xã hội được xây dựng mới trong 5 năm giai đoạn 2026 - 2030	Căn hộ	7.500 căn hộ trở lên	Đảng ủy UBND tỉnh
18	Xây dựng nông thôn mới đến năm 2030	%	T toàn tỉnh có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó: có 35% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại; không còn xã dưới 15 tiêu chí nông thôn mới	Đảng ủy UBND tỉnh, Đảng ủy các xã
II	VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI			
19	Tỉ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới giai đoạn 2026 - 2030 giảm bình quân hàng năm	%	1,0% trở lên	Đảng ủy UBND tỉnh
20	Tỉ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030	%	80% trở lên	Đảng ủy UBND tỉnh

	<i>Trong đó: có bằng cấp, chứng chỉ</i>	%	35% trở lên	
21	Tỉ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đến năm 2030	%	Dưới 20,0%	Đảng ủy UBND tỉnh
22	Tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2030	%	95% trở lên	Đảng ủy UBND tỉnh
23	Số bác sỹ/1 vạn dân đến năm 2030	Người	15,0	Đảng ủy UBND tỉnh
24	Tỉ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đến năm 2030	%	88,5	Đảng ủy UBND tỉnh
25	Tỉ lệ xã, phường đạt tiêu chí an toàn thực phẩm nâng cao năm 2030	%	59,5% trở lên	Đảng ủy UBND tỉnh
III VỀ MÔI TRƯỜNG				
26	Tỉ lệ che phủ rừng năm 2030	%	54,5	Đảng ủy UBND tỉnh
27	Tỉ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh năm 2030	%	99,5	Đảng ủy UBND tỉnh
	<i>Trong đó, tỉ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế</i>	%	75,0	
28	Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đến năm 2030	%	95,0	Đảng ủy UBND tỉnh
IV VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH				
29	Tỉ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT hằng năm	%	80,0	Đảng ủy Công an tỉnh
	<i>Trong đó: Tỉ lệ xã, phường không ma túy đến năm 2030</i>	%	50% trở lên	
30	Tỉ lệ xã, phường có lực lượng dân quân thường trực đến năm 2030 (xây dựng mới 3 - 4 đường hầm trong khu vực phòng thủ tỉnh)	%	100%	Đảng ủy Quân sự tỉnh
V XÂY DỰNG ĐẢNG				
31	Kết nạp Đảng viên mới hằng năm	Đảng viên	8.100 đảng viên mới trở lên	Ban Tổ chức Tỉnh ủy
32	Tỉ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm	%	90% trở lên	Ban Tổ chức Tỉnh ủy



PHỤ LỤC SỐ 2
CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XX, NHIỆM KỲ 2025 – 2030
(Kèm theo Chương trình hành động số 04-CT/TU ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX)

STT	Tên chương trình, đề án, cơ chế, chính sách	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì tham mưu	Cơ quan, tổ chức đăng phối hợp	Thời hạn thực hiện	Nguồn lực
I	VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ				
1	Kế hoạch thực hiện khâu đột phá về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực, uy tín, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì sự phát triển của tỉnh; đội ngũ chuyên gia giỏi đầu ngành, công nhân lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành kinh tế trọng tâm, trọng điểm của tỉnh	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh; đảng ủy các xã, phường	Hoàn thành trong tháng 12/2025	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước
2	Rà soát, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp	Đảng ủy UBND tỉnh	Ban tổ chức Tỉnh ủy;	Hoàn thành trong tháng 12/2025	
3	Đề án “Nâng cao chất lượng công tác dự báo, định hướng dư luận xã hội và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, giai đoạn 2026-2030”	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh; Đảng ủy Công an tỉnh	Hoàn thành trong Quý IV/2025	Ngân sách nhà nước
4	Xây dựng và áp dụng Chỉ số đánh giá hiệu suất công việc (KPI) để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức	Đảng ủy UBND tỉnh	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Ban hành trong Quý I/2026	Ngân sách nhà nước
5	Nghiên cứu thí điểm thực hiện thi tuyển để bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc các cơ quan cấp tỉnh, cấp xã	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh	Hoàn thành trong Quý I/2026	Ngân sách nhà nước

STT	Tên chương trình, đề án, cơ chế, chính sách	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì tham mưu	Cơ quan, tổ chức đăng phối hợp	Thời hạn thực hiện	Nguồn lực
6	Đề án “Xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp có bản lĩnh, trí tuệ, liêm chính, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới”	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Ban Nội chính Tỉnh ủy	Hoàn thành trong Quý IV/2025	Ngân sách nhà nước
7	Đề án “Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác dân vận; phát huy dân chủ, tăng cường đối thoại, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và chính quyền, giai đoạn 2026-2030”	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Đảng ủy UBMTQVN tỉnh	Hoàn thành trong Quý IV/2025	Ngân sách nhà nước
8	Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, chống lãng phí, tiêu cực trên địa bàn tỉnh	Ban Nội chính Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh	Hoàn thành trong Quý IV/2025	Ngân sách nhà nước
9	Đề án “Nâng cao chất lượng công tác giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội giai đoạn 2026-2030”, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong quý III năm 2026	Đảng ủy Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	Hoàn thành trong Quý I/2026	Ngân sách nhà nước
II	VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ				
10	Kế hoạch thực hiện Khâu đột phá về xây dựng, hoàn thiện Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là hạ tầng giao thông; hạ tầng khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu; hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; hạ tầng du lịch	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	Hoàn thành trong Quý IV/2025	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước
11	Kế hoạch về Đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng kiến tạo, phục vụ, lấy người dân và doanh nghiệp là trung tâm phục vụ; tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, lành mạnh, minh bạch, bình đẳng để thu hút đầu tư, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Công an tỉnh; đảng ủy các xã, phường	Hoàn thành trong Quý IV/2025	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước

STT	Tên chương trình, đề án, cơ chế, chính sách	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì tham mưu	Cơ quan, tổ chức đăng phối hợp	Thời hạn thực hiện	Nguồn lực
12	Rà soát, thảo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án đất đai theo Kết luận số 77-KL/TW ngày 02/5/2024 của Bộ chính trị	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Công an tỉnh; đảng ủy các xã, phường	Hoàn thành năm 2026	
13	Rà soát, bổ sung, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	Hoàn thành trong Quý II/2026	Ngân sách nhà nước
14	Rà soát, bổ sung, điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, Quy hoạch chung Khu kinh tế Nghi Sơn, quy hoạch chung cấp xã và các quy hoạch thuộc thẩm quyền của tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	Hoàn thành trong năm 2026	Ngân sách nhà nước
15	Nghiên cứu xây dựng, phát triển một số mô hình kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ để tổng kết rút kinh nghiệm, từng bước nhân ra diện rộng trong một số ngành, lĩnh vực: nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	Giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước
16	Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh đến năm 2030”	Đảng ủy UBND tỉnh	Văn phòng Tỉnh ủy	Ban hành trong Quý I/2026	
17	Xây dựng danh mục và kế hoạch thu hút các dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2026 - 2030, trong đó tập trung thu hút các nhà đầu tư, tập đoàn kinh tế chiến lược đến đầu tư tại tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	Hoàn thành trong Quý I/2026	Nguồn vốn ngoài nhà nước
18	Xây dựng nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ kết nối, liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp của tỉnh với doanh nghiệp nước ngoài để tham gia chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	Hàng năm	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước

STT	Tên chương trình, đề án, cơ chế, chính sách	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì tham mưu	Cơ quan, tổ chức đăng phối hợp	Thời hạn thực hiện	Nguồn lực
19	Chính sách phát triển nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã	Hoàn thành trong Quý I/2026	Ngân sách nhà nước
20	Xây dựng hệ thống bản đồ nông hóa, thổ nhưỡng toàn tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã	Hoàn thành trong Quý IV/2026	Ngân sách nhà nước
21	Đề án phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	Hoàn thành trong Quý IV/2025	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước
22	Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các xã miền núi của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã khu vực miền núi	Hoàn thành trong Quý IV/2025	Ngân sách nhà nước
23	Bổ sung, sửa đổi chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	Hoàn thành trong Quý I/2026	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước
24	Đề án phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	Hoàn thành trong Quý II/2026	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước

STT	Tên chương trình, đề án, cơ chế, chính sách	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì tham mưu	Cơ quan, tổ chức đăng phối hợp	Thời hạn thực hiện	Nguồn lực
25	Đề án Phát triển Khu Kinh tế Nghi Sơn gắn kết với Đảo Mê	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Hoàn thành trong Quý I/2026	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước
26	Điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thanh Hóa giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	Ban hành trong Quý II/2026	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước
III	VỀ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ, VĂN HÓA - XÃ HỘI, QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG				
27	Kế hoạch thực hiện khâu đột phá về đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng, nhân rộng các mô hình kinh tế mới; xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả trên các lĩnh vực; nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Công an tỉnh; đảng ủy các xã, phường	Hoàn thành trong Quý IV/2025	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước
28	Đề án thành lập Khu công nghệ cao tỉnh Thanh Hóa	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Hoàn thành trong Quý II/2026	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước

STT	Tên chương trình, đề án, cơ chế, chính sách	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì tham mưu	Cơ quan, tổ chức đăng phối hợp	Thời hạn thực hiện	Nguồn lực
29	Kế hoạch triển khai Chương trình nâng cao chất lượng văn hóa giai đoạn 2025 - 2030 tỉnh Thanh Hóa	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	Hoàn thành trong Quý IV/2025	Ngân sách nhà nước
30	Đề án xây dựng và phát triển các thiết chế văn hóa - thể thao giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; đảng ủy các xã, phường	Hoàn thành trong Quý I/2026	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước
31	Đề án sắp xếp các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	Hoàn thành trong Quý IV/2025	Ngân sách nhà nước
32	Xây dựng, triển khai Đề án phát triển ngành Y tế giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Hoàn thành trong Quý I/2026	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước
33	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	Hoàn thành Quý I/2026 (theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương)	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước
34	Đề án Phát triển giáo dục nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	Hoàn thành trong Quý IV/2025	Ngân sách nhà nước
35	Xây dựng, triển khai Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên phạm vi toàn tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	Thực hiện trong năm 2026-2027	Ngân sách nhà nước

STT	Tên chương trình, đề án, cơ chế, chính sách	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì tham mưu	Cơ quan, tổ chức đăng phối hợp	Thời hạn thực hiện	Nguồn lực
IV	VỀ QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI				
36	Kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình chiến đấu trong khu vực phòng thủ tỉnh, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.	Đảng ủy Quân sự tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Hoàn thành trong Quý I/2026	Ngân sách nhà nước
37	Đề án xã, phường không có ma túy trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy Công an tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	Hoàn thành trong Quý IV/2025	Ngân sách nhà nước

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM, QUY MÔ LỚN CẦN TẬP TRUNG THẢO GỒ KHÓ KHĂN, VƯÔNG MẮC
PHỤ LỤC SỐ 3
ĐỀ DẪY NHANH TIỀN ĐỘ
(Kèm theo Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX)

TT	Lĩnh vực/dự án	Tổng mức đầu tư (tỉ đồng)	Lộ trình thực hiện dự án
A LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP			
1	Chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa tập trung quy mô công nghiệp tại tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2	2.900	2025 - 2030
2	Chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thiện Thanh Hóa 2	2.000	2025 - 2026
3	Chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thiện Thanh Hóa 3	2.000	2025 - 2026
B LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP			
4	Nhà máy xi măng Đại Dương	7.722	2019 - 2025
5	Nhà máy Luyện cán thép Nghi Sơn số 2	4.787	2022 - 2026
6	Nhà máy Intco Medical Việt Nam	2.796	2024 - 2026
7	Tổ hợp sản xuất hóa chất Đức Giang - Nghi Sơn	2.400	2022 - 2026
8	Nhà máy sản xuất vải Billion Union Việt Nam	1.634	2025 - 2028
9	Nhà máy sản xuất vật liệu bảo ôn và tấm thạch cao Long Sơn	1.200	2025 - 2028
10	Nhà máy sản xuất giấy bao bì Miza Nghi Sơn (giai đoạn 2)	1.059	2024 - 2026
11	Nhà máy đốt rác thải sinh hoạt phát điện - Giai đoạn 1	1.025	2024 - 2025
12	Sản xuất sản phẩm trang trí công nghệ thân thiện với môi trường tại Khu công nghiệp Bim Sơn của Công ty Intco Medical Investment Singapore Pte.ltd	2.972	2024 - 2025

13	Nhà máy gia công sản xuất giấy dếp xuất khẩu của Công ty TNHH giấy Alivia Việt Nam	972	2024 - 2026
14	Nhà máy luyện cán thép DST Nghi Sơn	5.500	2026 - 2028
15	Nhà máy sản xuất ván tre OSB sta BOO Thanh Hóa	3.199	2025 - 2027
16	Thủy lợi kết hợp thủy điện Tén Tàn	418	2024 - 2029
17	Thủy điện Sông Âm	522	2025 - 2030
C	LĨNH VỰC XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ		
18	Khu đô thị mới tại xã Hoằng Quang và Hoằng Long, thành phố Thanh Hóa (<i>nay là phường Nguyệt Viên</i>)	12.890	2020 - 2028
19	Khu đô thị mới dọc Đại lộ Nam Sông Mã	4.367	2019 - 2028
20	Khu đô thị Tây Nam đại lộ Nam sông Mã 1, phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa (<i>nay là phường Quảng Phú</i>)	3.603	2022 - 2027
21	Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng	3.255	2023 - 2028
22	Thành phố Giáo dục Quốc tế Thanh Hóa	2.500	2025 - 2027
23	Khu đô thị phía Đông đại lộ Bắc Nam, thành phố Thanh Hóa (<i>nay là phường Hàm Rồng</i>)	1.204	2012 - 2026
24	Khu đô thị Núi Long kết hợp khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng đường vành đai Đông - Tây	1.127	2016 - 2026
25	Khu đô thị sinh thái 2 bên bờ sông Đơ, thành phố Sầm Sơn (<i>nay là phường Sầm Sơn</i>)	804	2012 - 2026
26	Dự án số 2 - Khu đô thị mới Lam Sơn - Sao Vàng	561	2021 - 2027
27	Khu dân cư mới Diêm Phố, xã Hưng Lộc, xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc (<i>nay là xã Vạn Lộc</i>)	511,3	2019 - 2027

D	LĨNH VỰC DỊCH VỤ		
28	Trung tâm thương mại Aeon Mall Thanh Hóa tại phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa (<i>nay là phường Quảng Phú</i>)	4.584	2024 - 2026
29	Khu du lịch sinh thái Tân Dân	11.096	2021 - 2027
30	Khu đô thị nghỉ dưỡng khoáng nóng tại xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương (<i>nay là xã Quảng Yên</i>)	6.849	2021 - 2027
31	Khu đô thị nghỉ dưỡng và công viên vui chơi giải trí Nam Sông Mã	6.156	2020 - 2025
32	Khu phức hợp khách sạn, trung tâm thương mại của Công ty Cổ phần ORG tại xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương (<i>nay là xã Tiên Trang</i>)	4.969	2022 - 2028
33	Quần thể khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái kết hợp các dịch vụ vui chơi, giải trí cao cấp Bến En	4.960	2023 - 2027
34	Khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng Flamingo Linh Trường (Khu A)	3.197	2021 - 2026
35	Cảng Container Long Sơn	2.400	2023 - 2030
36	Cảng tổng hợp Long Sơn	2.300	2019 - 2025
37	Khu bến container 2	2.151	2019 - 2027
38	Sân golf tại xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương (<i>nay là xã Tiên Trang</i>)	1.616	2024 - 2027
39	Khu Resort Sao Mai Thanh Hóa	1.400	2021 - 2025

PHỤ LỤC SỐ 4
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP ƯU TIÊN KÊU GỌI, THU HÚT ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Chương trình hành động số 07-CTr/TTU ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX)

TT	Tên dự án	Quy mô/Công suất dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỉ đồng)
A LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP			
1	Tổ hợp hóa dầu và sản xuất vật liệu nhựa mới tại Khu kinh tế Nghi Sơn	2 triệu tấn PE và PP/năm	115.000
2	Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử, máy tính tại Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng	500.000 sản phẩm/năm	5.750
3	Nhà máy nhiệt điện LNG Nghi Sơn	1500MW	58.026
4	Nhà máy sản xuất xơ, sợi tổng hợp tại Khu kinh tế Nghi Sơn	100 nghìn tấn/năm	11.500
5	Nhà máy sản xuất thiết bị vật tư y tế tại Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm vật tư y tế	4.600
6	Nhà máy sản xuất methanol và các sản phẩm từ methanol tại Khu kinh tế Nghi Sơn	600 nghìn tấn/năm	3.450
B LĨNH VỰC ĐÔ THỊ HÓA VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG			
7	Hạ tầng khu công nghiệp điện tử tại Khu kinh tế Nghi Sơn	493 ha	5.839
8	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp thực phẩm tỉnh Thanh Hóa	200 ha	1.600
9	Khu công nghiệp Dược phẩm công nghệ cao tại Khu kinh tế Nghi Sơn	142,2 ha	1.474
10	Đầu tư hạ tầng KCN số 19 tại Khu kinh tế Nghi Sơn	295 ha	2.360
11	Khu bến Bắc Nghi Sơn mở rộng - Cảng biển Thanh Hóa	23-25 triệu tấn/năm	14.119
12	Khu đô thị nghỉ dưỡng sinh thái và vui chơi giải trí cao cấp Xuân Lai	Diện tích sử dụng đất 50 ha	3.500

TT	Tên dự án	Quy mô/Công suất dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỉ đồng)
13	Dự án số 1 - Khu đô thị Đông Nam, thành phố Thanh Hóa (<i>nay là phường Quảng Phú</i>)	Diện tích sử dụng đất 260 ha	12.000
14	Trung tâm logistics cấp vùng tại Khu kinh tế Nghi Sơn	Tối thiểu 50 ha	1.000
15	Trung tâm logistics cấp tỉnh tại phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Tối thiểu 10 ha	300
16	Trung tâm logistics tại Lam Sơn - Sao Vàng	Tối thiểu 20 ha	500
C			
17	Khu du lịch sinh thái Hồ Yên Mỹ	102 ha	20.700
18	Khu du lịch sinh thái Trường Lâm	543 ha	6.210
19	Khu du lịch sinh thái Đảo Mê	Du lịch sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng	2.300
20	Đầu tư khách sạn cao cấp tiêu chuẩn quốc tế	Chất lượng 05 sao quốc tế	2.300
21	Sân golf và tổ hợp nghỉ dưỡng	Sân golf 18 lỗ; tổ hợp nghỉ dưỡng 63 ha	4.100
D			
22	Khu nông nghiệp công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng	200 ha	250
E			
23	Bệnh viện Quốc tế Thanh Hóa	500 giường bệnh	700
24	Bệnh viện phục hồi chức năng Quốc tế	350 giường bệnh	490
25	Cơ sở hạ tầng khu xử lý chất thải tập trung cấp vùng theo Quy hoạch vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Miền Trung	Đến năm 2025: 500 tấn/ ngày đêm; đến năm 2045: 1.000 tấn/ ngày đêm.	720



PHỤ LỤC SỐ 5
ĐÌNH HƯỞNG MỤC TIÊU DIỆN TÍCH ĐẤT ĐƯỢC TÍCH TỤ, TẬP TRUNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
QUY MÔ LỚN, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG NHIỆM KỲ 2025 - 2030
(Kèm theo Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX)

TT	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
	TỔNG CỘNG	50.000	10.000
1	Hoàng Hóa	70	20
2	Hoàng Tiến	85	23
3	Hoàng Thanh	135	25
4	Hoàng Lộc	25	5
5	Hoàng Châu	530	200
6	Hoàng Sơn	60	30
7	Hoàng Phú	20	
8	Hoàng Giang	75	45
9	Triệu Lộc	230,5	50
10	Đông Thành	222,5	50
11	Hậu Lộc	220	50
12	Hoa Lộc	246	125
13	Vạn Lộc	231	50
14	Thiệu Hóa	335	100
15	Thiệu Quang	215	75
16	Thiệu Tiến	180	75

TT	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
17	Thiệu Toản	280	75
18	Thiệu Trung	180	75
19	Yên Định	390	80
20	Yên Trường	330	65
21	Yên Phú	180	45
22	Quý Lộc	320	80
23	Yên Ninh	270	40
24	Định Tân	330	55
25	Định Hòa	380	70
26	Nga Sơn	205	50
27	Nga Thắng	142	50
28	Hồ Vương	150	55
29	Tân Tiến	252	50
30	Nga An	150	50
31	Ba Đình	166	45
32	Quảng Phú	120	41
33	Đông Quang	58	15
34	Đông Sơn	85	30
35	Đông Tiến	137	71
36	Hàm Rồng	70	33
37	Nguyệt Viên	100	40

TT	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
38	Nam Sơn Sơn	40	20
39	Ngọc Sơn	185	145
40	Tân Dân	20	10
41	Hải Lĩnh	45	13
42	Tĩnh Gia	35	5
43	Đào Duy Từ	35	20
44	Hải Bình	30	
45	Trúc Lâm	165	20
46	Các Sơn	50	40
47	Trường Lâm	135	22
48	Lưu Vệ	400	180
49	Quảng Yên	218	
50	Quảng Ngọc	270	100
51	Quảng Ninh	210	
52	Quảng Bình	200	70
53	Quảng Chính	400	100
54	Nông Cống	107	15
55	Thắng Lợi	92	17
56	Trung Chính	88	5
57	Trương Văn	133	25
58	Thăng Bình	99	5

TT	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
59	Tương Lĩnh	189	18
60	Công Chính	532	205
61	Triệu Sơn	210	120
62	Thọ Bình	90	30
63	Thọ Ngọc	145	40
64	Thọ Phú	260	80
65	Hợp Tiến	170	45
66	An Nông	165	95
67	Tân Ninh	110	70
68	Đông Tiến	90	70
69	Như Xuân	550	151
70	Thượng Ninh	870	239
71	Hóa Quý	700	166
72	Xuân Bình	800	264
73	Thanh Phong	810	100
74	Thanh Quân	820	80
75	Xuân Du	100	
76	Mậu Lâm	108	80
77	Như Thanh	52	10
78	Yên Thọ	980	70
79	Thanh Kỳ	1.710	320

TT	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
80	Xuân Thái	200	20
81	Mường Chanh	77	
82	Quang Chiểu	94	
83	Pù Nhi	41	
84	Nhi Sơn	40	
85	Trung Lý	65	
86	Mường Lý	48	
87	Tam Chung	44	
88	Mường Lát	41	
89	Hiên Kiệt	279	9
90	Thiên Phú	279	9
91	Nam Xuân	278	10
92	Hồi Xuân	278	9
93	Phú Xuân	140	5
94	Phú Lệ	407	14
95	Trung Thành	279	9
96	Trung Sơn	140	5
97	Trung Hạ	300	
98	Quan Sơn	330	
99	Tam Lư	200	
100	Tam Thanh	300	

TT	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
101	Sơn Điện	300	
102	Mường Mìn	300	
103	Sơn Thủy	150	
104	Na Mèo	120	
105	Linh Sơn	600	15
106	Đồng Lương	600	2
107	Văn Phú	600	
108	Giao An	600	
109	Yên Thắng	500	
110	Yên Khương	500	
111	Yên Nhân	243	140
112	Bát Mọt	212	50
113	Lương Sơn	460	170
114	Thường Xuân	288	80
115	Lượn Thành	943	30
116	Tân Thành	1.000	30
117	Vạn Xuân	380	30
118	Thắng Lộc	744	50
119	Xuân Chinh	680	0
120	Ngọc Lặc	530	130
121	Thạch lập	730	180

TT	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
122	Ngọc Liên	900	220
123	Nguyệt Ân	930	210
124	Kiên Thọ	690	170
125	Minh Sơn	1.110	290
126	Thọ Xuân	212	60
127	Thọ Long	220	50
128	Xuân Hòa	225	20
129	Sao Vàng	329	65
130	Lam Sơn	192	11
131	Thọ Lập	202	34
132	Xuân Tín	260	60
133	Xuân Lập	260	100
134	Hà Trung	117	15
135	Hà Long	230	150
136	Hoạt Giang	120	10
137	Lĩnh Toại	155	10
138	Tổng Sơn	295	110
139	Vĩnh Lộc	440	160
140	Tây Đô	275	125
141	Biện Thượng	335	120
142	Bá Thước	180	6

TT	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
143	Thiết Ống	480	66
144	Văn Nho	300	1
145	Diễn Quang	441	75,3
146	Diễn Lư	418	77
147	Quý Lương	511	61,7
148	Cổ Lũng	10	2
149	Pù Luông	10	1
150	Cầm Thạch	710	180
151	Cầm Thủy	500	180
152	Cầm Tú	750	200
153	Cầm Vân	500	120
154	Cầm Tân	500	120
155	Kim Tân	200	20
156	Vân Du	350	150
157	Ngọc Trạo	960	260
158	Thạch Bình	870	200
159	Thành Vinh	520	100
160	Thạch Quảng	250	70
161	Bim Sơn	70	0
162	Quang Trung	40	20